

Số: /GPMT-STN&MT

Hà Nam, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, phương án CTPHMT, cấp giấy phép môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét hồ sơ kèm theo văn bản số 18-08/CV-AT ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Công ty TNHH vận tải thương mại Anh Tiến về việc chỉnh sửa, bổ sung các nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bột đá và cát nhân tạo tại tiểu khu Kiện, thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam - phân kỳ 1 (sản xuất cát nhân tạo);

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH vận tải thương mại Anh Tiến, địa chỉ trụ sở chính tại tiểu khu Kiện, thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bột đá và cát nhân tạo tại tiểu khu Kiện, thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam – phân kỳ 1 (sản xuất cát nhân tạo) với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bột đá và cát nhân tạo tại tiểu khu Kiện, thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam – phân kỳ 1 (sản xuất cát nhân tạo).

1.2. Địa điểm hoạt động: Tiểu khu Kiện, thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 0700774496, đăng ký lần đầu ngày 31/5/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08/01/2019. Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

1.4. Mã số thuế: 0700774496

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bột đá và cát nhân tạo.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích của dự án khoảng: 20.089 m².

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Công suất: 80.000m³ cát nhân tạo/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH vận tải thương mại Anh Tiến.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH vận tải thương mại Anh Tiến có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, bụi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở

địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (*để báo cáo*);
- UBND huyện Thanh Liêm;
- Công ty TNHH VTTM Anh Tiến (*để t/h*);
- TT TTDL&PTQĐ (*đăng web*);
- Lưu: VT, MT, HS.

GIÁM ĐỐC

Phạm Chí Thống

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh.
- + Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà bếp và rửa tay chân
- + Nguồn số 03: Nước thải sản xuất từ quá trình rửa cát (Nước thải sản xuất sau khi được lắng cặn được tuần hoàn tái sử dụng).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Hồ lắng phía Nam dự án (giáp khu vực văn phòng), tại tiểu khu Kiện, thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

2.2. Vị trí xả nước thải

Dòng thải số 01: Tương ứng với dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 6 m³/ngày đêm (thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt từ các nguồn số 01, 02) xả vào hồ lắng phía Nam dự án (giáp khu vực văn phòng). Tọa độ vị trí xả thải X = 2268565; Y= 591265 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°00' múi chiếu 3°)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất 6 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn (6h/1 lần xả)

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, k=1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/l	36		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60		
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	600		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/l	6		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	36		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12		

9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6		
10	Phosphat (PO_4^{3-})	mg/l	7,2		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó được thu gom theo đường ống PVC D90 vào bể gom. Nước thải từ bể gom được bơm bằng đường ống PVC D42 về trạm xử lý nước thải có công suất thiết kế 6 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà bếp và rửa tay chân được tách dầu mỡ và rác tại hố gom sau đó được thu gom theo ống PVC D90 vào bể gom. Nước thải từ bể gom được bơm bằng đường ống PVC D42 về trạm xử lý nước thải có công suất thiết kế 6 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn rửa cát và nước rò rỉ từ bãi chứa bùn thải được thu gom vào hố gom và được dẫn về bể lắng 2 ngăn bằng đường ống PVC D90. Nước tại bể lắng 2 được tuần hoàn tái sử dụng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Công ty đã xây dựng 01 trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất thiết kế 6 m³/ngày đêm, cụ thể:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại/bể tách dầu mỡ → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí 1 → Bể hiếu khí 2 → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

+ Công suất thiết kế: 6 m³/ngày đêm.

+ Hóa chất sử dụng: Viên nén khử trùng TCCA 6,57 kg/năm; PAC 1.825 lít/năm (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

- Nước thải sản xuất: Công ty đã xây dựng 01 bể lắng 2 ngăn có thể tích 250 m³/ngày đêm, cụ thể:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sản xuất → Hố gom → Bể lắng 2 ngăn → Tái sử dụng.

+ Thể tích thiết kế: 250 m³/ngày đêm.

+ Hóa chất sử dụng: không

1.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này phải ngừng

ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận và áp dụng các kế hoạch ứng phó sự cố môi trường đã xây dựng của Công ty để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải sinh hoạt thiết kế 6 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải sinh hoạt sau trạm xử lý tại vị trí xả thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm.

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3.5. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày, chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- + Nguồn số 01: Hoạt động của dây chuyền sản xuất cát.
- + Nguồn số 02: Hoạt động của dây chuyền nghiền nguyên liệu đầu vào.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105⁰, múi chiều 3⁰)

- + Nguồn số 01: Tọa độ: X(m) =2268600; Y(m) =591135.
- + Nguồn số 02: Tọa độ: X(m) =2268610; Y(m) =591162

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian trong ngày và mức ồn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Gia cố vững chắc các bệ máy, lắp đặt đệm cao su đối với các thiết bị có công suất lớn gây ra tiếng ồn, độ rung.
- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân ở những khu vực có cường độ tiếng ồn cao;
- Định kỳ kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại dự án.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng
năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên khoảng:

STT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Các loại dầu mỡ thải	160108	100
2	Gang tay, giẻ lau dính dầu thải	180201	15
3	Pin, ắc quy chì thải	190601	20
4	Hộp mực in chứa thành phần nguy hại	080204	2
5	Bao bì cứng bằng kim loại thải	180102	30
6	Bao bì cứng bằng nhựa thải	180103	50
	Tổng		217

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Bùn thải (Bột tinh sau rửa cát) từ bể lắng 2 ngăn: 1.000 tấn/năm
- Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải sinh hoạt: 40kg/năm

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng: 5,8 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: 7 thùng chứa dung tích 200l.

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích kho: 14,88m²

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho làm bằng container, mái bằng tôn, biển cảnh báo và bố trí các phương tiện ứng phó sự cố theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Thiết bị lưu chứa: 1 thùng rác dung tích 50l thùng chứa đặt tại khu nhà ăn.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.
3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-STN&MT ngày tháng năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Xử lý bụi tại trạm nghiền nguyên liệu đầu vào, dây chuyền nghiền cát.

- Nguồn phát sinh: Bụi đất đá là bụi tro, có kích thước lớn, không chứa các hợp chất có tính độc phát sinh từ quá trình nghiền sàng đá được xử lý tại chỗ bằng biện pháp phun nước.

- Vị trí phát sinh bụi: Tại máy kẹp hàm, máy nghiền nguyên liệu đầu vào, máy nghiền từ dây chuyền nghiền cát, máy rửa cát và đầu rót các băng tải.

- Phương thức phát sinh bụi: bụi phát sinh từ các vị trí máy kẹp hàm, máy nghiền nguyên liệu đầu vào, máy nghiền từ dây chuyền nghiền cát và đầu rót các băng tải tự phát thải ra môi trường.

- Hệ thống phun nước dập bụi:

+ Tại trạm nghiền nguyên liệu đầu vào: Bố trí phun nước dập bụi tại 6 vị trí: 1 điểm tại máy kẹp hàm, 1 điểm tại máy nghiền và 4 điểm tại đầu ra sản phẩm.

+ Tại dây chuyền nghiền cát: Bố trí phun nước dập bụi tại 2 vị trí: 01 vị trí của máy máy nghiền và 01 vị trí máy rửa cát.

- Định mức nước sử dụng: 1m³ nước cho 100m³ đá thành phẩm tương đương 816 m³/năm tức 3 m³/ngày và hằng ngày lượng nước cấp bổ sung cho máy rửa cát là 20 m³/ngày.

- Trang thiết bị: 1 téc chứa nước có thể tích 2m³, 01 máy bơm công suất 5 m³/h, đường ống HDPE loại đường kính 75mm và đường kính 21mm dẫn nước từ téc chứa đến các điểm dập bụi.

- Vị trí lấy nước: Nước cấp dập bụi cho dây chuyền nghiền nguyên liệu đầu vào được lấy từ sông Vịn, 1 đường ống dẫn về téc chứa bằng inox có thể tích 2m³ đặt tại khu nhà điều hành trạm nghiền và 1 đường ống dẫn về máy rửa cát. Trên đường ống dẫn về máy rửa cát có trích 1 đường ống dẫn về máy nghiền để dập bụi.

- Tăng cường trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy.

2. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ

môi trường.

3. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Đảm bảo đủ diện tích cây xanh theo quy định.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

8. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải có Văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra và hướng dẫn./.